

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 22-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: Lý Văn Vĩnh và Bùi Thị Lài.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS, ngày 08 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Ma Doãn T, sinh năm 1964, tại tỉnh Th; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 6/10; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ma Doãn A và bà Ma Thị M; có vợ là Ma Thị K và 04 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2018 đến nay – có mặt.

- Bị hại: Anh Tô Văn H, sinh năm 1983 – vắng mặt.

Trú tại: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đ.

Anh Dương Minh Tr, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh B.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đinh Văn X, sinh năm 1974 – vắng mặt.

Trú tại: Thôn 9, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng*: Chị Lê Thị Ánh Th, sinh năm 1988 – vắng mặt.

Trú tại: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Doãn T cùng với anh Đinh Văn X (*tên gọi khác là S*), sinh năm: 1974, trú tại: thôn 9, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Đ quen biết nhau nên T thường đi chơi với anh X. Đầu tháng 11 năm 2017, T đến nhà anh X chơi, tại đây T nói với anh X việc T vừa ký kết hợp đồng với một Công ty đã trồng cao su để khai thác 180 hecta cây cao su sau Trung tâm hành chính huyện TĐ, thuộc thôn 2, thôn 9 xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đ. T nói với anh X tìm người có nhu cầu mua cây cao su để T bán, đồng thời sẽ trích phần trăm cho anh X. Nghe T nói, anh X tưởng là thật rồi đồng ý nhận lời đi tìm người mua cây cao su. Để đảm bảo chắc chắn, T dẫn anh X đến thôn 2 và thôn 9 xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đ, chỉ vườn cây cao su sau Trung tâm hành chính cho anh X xem.

Vài ngày sau, anh X đến gặp anh Tô Văn H tại thôn 11 xã N, huyện Đ, tỉnh Đ (*là bạn quen nhau từ trước*). Anh X nói với anh H việc Ma Doãn T có 180 hecta cây cao su cần bán. Sau khi nghe anh X nói, anh H đến rủ thêm anh Nguyễn Văn T và anh Dương Minh Tr cùng trú tại: thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh B (*là anh em cọc chèo với nhau*) cùng góp tiền vào mua vườn cây cao su nói trên thì được anh T, anh Tr đồng ý. Ngày 09/11/2017, anh X điều khiển xe ô tô chở các anh Tô Văn H, Nguyễn Văn T, Dương Minh Tr đi xem vườn cây cao su ở huyện TĐ mà trước đây T chỉ cho anh X. Sau khi xem vườn cây xong, tất cả về quán cà phê của chị Lê Thị Ánh Th tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Tại đây, anh Tô Văn H, Nguyễn Văn T, Dương Minh Tr, Đinh Văn X gặp Ma Doãn T. T nói dối việc T có 180 hecta cây cao su tại huyện TĐ cần bán, giá mỗi hecta cây cao su là 22.000.000 đồng (*chỉ bán cây cao su không bán đất*). Anh H, anh T, anh Tr tin tưởng T nói thật nên đã thỏa thuận thống nhất việc mua bán với T. Hai bên làm hợp đồng thanh lý vườn cây cao su và nhờ chị Lê Thị Ánh Th chủ quán viết hộ với nội dung: ông T bán 180 hecta cây cao su, anh Tô Văn H là bên mua, giá cả thỏa thuận là 22.000.000 đồng/ 01 hecta cây cao su. Hình thức thanh toán chia làm 04 đợt, cụ thể: Đợt 1, khi nào Ma Doãn T cung cấp giấy phép được khai thác thì bên anh Tô Văn H phải đưa số tiền là 440.000.000 đồng (*bốn trăm bốn mươi triệu đồng*); Đợt 2, sau khi khai thác được 15 hecta cây cao su thì anh Tô Văn H phải thanh toán cho Ma Doãn T với số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*); Đợt 3, sau khi anh Tô Văn H khai thác được 50 hecta cây cao su thì phải thanh toán cho Ma Doãn T số tiền 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*); Đợt 4, sau khi anh Tô Văn H khai thác được 150 hecta cây cao su thì tất toán. Lập hợp đồng xong, T ký tên vào bên người bán, còn anh H ký tên bên người mua. Sau đó, anh H đặt cọc trước cho Ma Doãn T số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), số tiền này anh H, anh T và anh Tr mỗi người góp 20.000.000 đồng. T nhận tiền và rồi hẹn anh H 10 ngày sau sẽ có giấy khai thác

vườn cây cao su nói trên. Cũng trong ngày 19/11/2018, anh Đinh Văn X nói T cho vay 15.000.000 đồng thì T lấy tiền đã nhận của anh H đưa cho anh X vay.

Qua 10 ngày, anh Tô Văn H liên lạc với T thì T nói giấy tờ xin khai thác vườn cây cao su đang bị trục trặc, đồng thời nói anh H đưa thêm tiền để lo giấy tờ khai thác vườn cây cao su, tuy nhiên anh H không đồng ý. Những ngày sau đó Anh H, anh T, anh Tr gọi điện thoại nhiều lần cho T để yêu cầu T trả lại số tiền đã đặt cọc, đồng thời đến tận nhà Ma Doãn T để lấy lại tiền nhưng T không trả lại mà bỏ trốn.

Anh Tô Văn H, Nguyễn Văn T, Dương Minh Tr đã tố cáo hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ma Doãn T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song. Sau khi tiếp nhận nội dung tố cáo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song tiến hành xác minh tại UBND xã ĐBS, UBND huyện TĐ, Phòng Tài nguyên Môi Tr huyện TĐ, xác định: vườn cây cao su phía sau Trung tâm hành chính huyện TĐ (*vị trí T chỉ cho X để giới thiệu người bán*) thuộc thôn 2 và thôn 9, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đ do UBND tỉnh Đ thu hồi của Công ty Cổ phần Cao su ĐK, giao cho UBND huyện TĐ quản lý, bố trí sử dụng từ ngày 15/9/2016 theo Quyết định số 1703/QĐ - UBND ngày 27/10/2017. UBND huyện TĐ tiếp tục giao diện tích cây cao su này cho UBND xã ĐBS quản lý, chăm sóc. Hiện tại, không giao cho bất kỳ cá nhân, hộ gia đình nào quản lý, chăm sóc; Ma Doãn T và gia đình cũng không có vườn cây cao su 180 ha ở huyện TĐ, tỉnh Đ.

Như vậy, hành vi đưa ra thông tin gian dối để người khác nhầm tưởng là tài sản của mình rồi thực hiện giao dịch mua bán với họ, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương của Ma Doãn T đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Ma Doãn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 174 BLHS. Do Ma Doãn T bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra sau đó đã ra quyết định truy nã đối với T.

Tại Bản cáo trạng số 63/CTr-VKS ngày 22/10/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Ma Doãn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa gia đình bị cáo và những người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 hợp đồng mua bán do Ma Doãn T lập với những người bị hại cần lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù không có 180 hecta cây cao su nhưng đầu tháng 11 năm 2017, Ma Doãn T gặp, nói dối với anh Đinh Văn X việc T có 180 hecta cây cao su cần bán, nhờ anh X giới thiệu người mua, đồng thời dẫn anh X đi xem vườn cây cao su không phải của mình tại xã ĐBS, huyện TĐ. Ngày 19/11/2017, anh X giới thiệu anh Tô Văn H, Dương Minh Tr và Nguyễn Văn T đến xem vườn cây cao su mà T chỉ, sau đó về gặp T tại quán cà phê của chị Lê Thị Ánh Th, tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Tại đây, Ma Doãn T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối khẳng định vườn cây cao su là của mình. Các anh H, Tr và T tưởng thật, tin lời của T sau đó làm hợp đồng mua bán 180 hecta cây cao su với T. Anh H, anh Tr và anh T đã đặt cọc trước cho T 60.000.000 đồng, chờ lấy được giấy phép khai thác sẽ tiếp tục đưa tiền cho T. Sau khi nhận tiền, T không thực hiện như đã cam kết mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt số tiền nói trên.

Hành vi của Ma Doãn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song truy tố bị cáo Ma Doãn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 174 BLHS quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
3... ”

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong dư luận quần chúng nhân dân, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã phải ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong xã hội cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại giữa gia đình bị cáo và người bị hại là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 giấy chuyển nhượng bị cáo Ma Doãn T lập với những người bị hại cần lưu hồ sơ vụ án.

[8] Đối với hành vi của Đinh Văn X đã giới thiệu người mua cây cao su cho Ma Doãn T để sau đó Ma Doãn T chiếm đoạt của những người này số tiền 60.000.000đ. Do anh X không biết thông tin Ma Doãn T đưa ra là giả và không biết

mục đích chiếm đoạt tài sản của Ma Doãn T nên không xử lý đối với Đinh Văn X là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ma Doãn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Ma Doãn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/7/2018.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 135; Điều 136 BLTTHS; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ma Doãn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

- *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

